

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI**  
**KHOA SAU ĐẠI HỌC**

-----\*\*\*-----



**BÀI TIỂU LUẬN**  
**TÌM HIỂU VỀ KHỔ MẪU BIÊN MỤC ĐỌC**  
**MÁY MARC 21**

Môn học: **Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu**

Học viên: **Hoàng Thị Thu Hương**

Lớp: **Cao học Thông tin - Thư viện 9**

*Hà nội, tháng 11-2003*

# MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
I. Tổng quan về MARC	3
1. Marc và sự cần thiết phải có Marc	
1.1 Marc là gì	
1.2 Tại sao cần phải có một khổ mẫu Marc	
2. Sử dụng khổ mẫu Marc	5
3. Các tài liệu về Marc	6
II. Marc 21	7
1. Các thuật ngữ của Marc và định nghĩa của chúng	9
<b>1.1. Các trường được đánh dấu bởi các nhãn trường</b>	9
1.2. Một số trường được xác định sâu hơn nhờ các chỉ thị	11
<b>1.3. Các trường con được đánh dấu nhờ các mã trường con và dấu phân cách</b>	12
<b>1.4. Định danh nội dung là một thuật ngữ được sử dụng, bao gồm: tất cả các nhãn trường, chỉ thị và mã trường con</b>	12
2. Một số qui tắc đánh nhãn trường	12
<b>2.1. Các nhãn trường được chia bởi số hàng trăm</b>	13
<b>2.2. Các điểm truy cập</b>	13
<b>2.3. Kiểm soát nhất quán</b>	14
<b>2.4. Nội dung song song</b>	14
3. Thông tin nhất quán xuất hiện bắt đầu biểu ghi MARC	15
<b>3.1. Đầu biểu (leader)</b>	16

<i>3.2. Danh mục</i>	17
<i>3.3. Trường 008</i>	18
<b>4. Các trường dữ liệu</b>	24
<b>BẢNG MÃ MỘT SỐ QUỐC GIA THEO CHUẨN MARC 21</b>	26
<b>BẢNG MÃ VÙNG THEO CHUẨN MARC 21</b>	27
<b>BẢNG MÃ NGÔN NGỮ THEO CHUẨN MARC 21</b>	28

## LỜI NÓI ĐẦU

Chia sẻ thông tin, trong đó có thông tin thư mục là một xu thế phổ biến trong công tác thông tin thư viện, đặc biệt là trong xã hội bùng nổ thông tin như ngày nay. Quá trình trao đổi thông tin không hạn chế bằng các phương tiện thông tin truyền thống như Fax, airmail...mà chủ yếu bằng email, Web...- các phương tiện tìm và trao đổi thông tin trực tuyến.

Quốc tế thừa nhận các bản ghi thư mục được tạo ra tuân theo các tiêu chuẩn đã được qui ước, và sử dụng các qui tắc và công cụ đã được xác nhận các mô tả và tiêu đề. Sử dụng Anglo-American cataloguing rules second edition 1998- revision (AACR2) dịch tắt là qui tắc biên mục Anh-Mỹ /Đề mục chủ đề được đưa thêm vào từ danh sách của các đề mục chủ đề đã được xuất bản, thông dụng nhất là Library of Congress Subject Heading (LCSH) hoặc khung phân loại chung như Dewey Decimal Classification (DDC). Library of Congress classification(LLC) hoặc Univesal Decimal Classification (UDC).Đôi khi các thông tin liên quan đến một thư viện cá biệt cũng được đưa vào như số sách nội bộ, vốn tạp chí..

Vào những năm 1960, những nhân viên thư viện ở Thư viện Quốc Hội Mỹ tham khảo ý kiến các thư viện khác đã phát triển một khổ mẫu cho thư việc lưu trữ các thông tin biên mục trên băng từ máy tính. Sự phát triển của Marc đã cho phép các thư viện trên toàn thế giới trao đổi dữ liệu với nhau .

Một vài nước mà thậm chí một vài thư viện đã xây dựng riêng cho mình các phiên bản của Marc, bao gồm AUSMarc, JapanMarc, ChineseMarc, UNIMarc được tạo ra trong một nỗ lực nhằm nhận dạng một phiên bản quốc tế cho khổ mẫu Marc. Mặc dù UNIMarc được sử dụng rộng rãi và đặc biệt ở Châu Âu, nó vẫn không trở thành một tiêu chuẩn quốc tế. Nhưng MARC 21 đang trở thành một tiêu chuẩn quốc tế, vì đa số các nước nói tiếng Anh và các hệ thống thư viện trên cơ sở tiếng Anh bây giờ đang sử dụng nó.

### I. Tổng quan về MARC

#### 1. Marc và sự cần thiết phải có Marc

##### 1.1. Marc là gì?

MARC viết tắt của cụm từ Machine Readable Cataloging- Khổ mẫu biên mục có thể đọc bằng máy.

+ ***Machine-readable***: “có thể đọc được bằng máy” có nghĩa là một loại máy cụ thể, một máy tính, có thể đọc và diễn giải dữ liệu theo khổ mẫu biên mục.

+ **Cataloging record**: “khô mẫu biên mục” có nghĩa là một biểu ghi thư mục hoặc những thông tin trên một tấm phiếu mục lục truyền thống. Nó bao gồm 4 phần:

- Mô tả (description)
- Điểm truy cập chính và những điểm truy cập thêm (main entry and added entries)
- Đề mục chủ đề (Subject headings)
- Số để gọi biểu ghi (MFN- call number).

Nó là khô mẫu cho phép máy tính lưu trữ và truy xuất thông tin. Mục lục thư mục hoá bao gồm các biểu ghi theo khô mẫu MARC. Nó có nghĩa là người biên mục cần mã hoá, định nhãn thông tin trong biểu ghi. Họ cũng đưa thêm một số mã làm thông tin mở rộng cho máy tính, ví dụ như khi nào thì tài liệu chuyên khảo hay xuất bản làm nhiều kỳ.

### **1.2 Tại sao cần có một khô mẫu Marc?**

\* **Tại sao một máy tính lại không thể đọc được một phiếu mục lục?**  
Thông tin từ một phiếu mục lục không thể được nhập một cách đơn giản vào máy tính để làm ra một bản thư mục tự động hoá. Máy tính cần một sự phiên dịch thông tin đơn giản để tạo ra một biểu ghi thư mục. Biểu ghi MARC chứa đựng một hướng dẫn tới dữ liệu của nó, hoặc những “chỉ dẫn” ngăn trước mỗi phần thông tin thư mục.

Nơi cung cấp mỗi phần của thông tin thư mục (tác giả, tiêu đề, số đầu biểu ghi...) được gọi là “Trường”. Các biểu ghi trong các tệp máy tính đơn giản hơn đôi khi có một số cố định các trường, và mỗi trường chứa một số lượng cố định các đặc tính.

Tuy nhiên, để cho phép việc lập thư mục chính xác những cuốn sách và các tài liệu khác của thư viện, cấu trúc tệp tốt nhất cho phép các biểu ghi với một số lượng và độ dài không hạn chế các trường. Sự linh hoạt này là cần thiết bởi vì không phải tất cả các tiêu đề đều có độ dài như nhau. Một số cuốn sách là một phần của tuyển tập. Và các tài liệu nghe nhìn thường có phần mô tả dài hơn mô tả tài liệu thông thường.

Ví dụ: Mô tả phim: *5 filmtrips: sd., col.; 35 mm. + teaching manual*

Mô tả sách: *403p.: ill.; 22 cm.*

Vì máy tính không thể chắc chắn về việc nhập thông tin cùng một vị trí bắt đầu và kết thúc trong mỗi biểu ghi thư mục. Ví dụ, phần thông tin về trách nhiệm sẽ không phải luôn bắt đầu ở ký tự thứ 145 và kết thúc ở vị trí ký tự 207.

Do vậy mỗi biểu ghi MARC sẽ bao gồm một “bảng nội dung” tới biểu ghi theo một tiêu chuẩn đã được xác định trước.

\* **Chỉ dẫn:** Máy tính phải có sự hỗ trợ để nó có thể đọc và diễn giải biểu ghi thư mục. Những hộp biểu đồ phía bên phải làm rõ những chỉ dẫn thông tin này cần được truyền.

Nếu một biểu ghi thư mục đã được đánh dấu chính xác và lưu vào một tệp dữ liệu của máy tính thì các chương trình máy tính có thể được viết để ngắt quãng và định dạng thông tin một cách chính xác để in ra các phiếu mục lục hoặc hiển thị thông tin trên màn hình máy tính. Các chương trình có thể được viết để tìm kiếm và lấy dữ liệu chỉ lấy một số loại thông tin trong các trường cụ thể, và cũng hiển thị danh sách những tài liệu phù hợp với chuẩn tìm.

\* **Tại sao lại là một tiêu chuẩn?** Bạn có thể nghĩ ra một phương pháp để tổ chức thông tin thư mục, nhưng bạn sẽ cô lập thư viện của bạn lại, hạn chế những lựa chọn của thư viện và tạo nên nhiều công việc hơn cho bản thân bạn. Sử dụng chuẩn MARC để tránh sự trùng lặp trong công việc và cho phép các thư viện chia sẻ tốt hơn các nguồn lực thư mục. Lựa chọn sử dụng MARC 21 cho phép các thư viện thu được dữ liệu thư mục mà có thể dự đoán và có tính xác thực. Nếu một thư viện đã phát triển một hệ thống riêng của nó mà không sử dụng các biểu ghi MARC, nó sẽ có thể không nhận được lợi thế của tiêu chuẩn công nghiệp rộng lớn mà mục đích cơ bản của những người này là để nuôi dưỡng giao tiếp thông tin.

Sử dụng khổ mẫu MARC cũng có thể cho phép các thư viện sử dụng những lợi thế thương mại của các hệ thống tự động của thư viện để quản lý những hoạt động của thư viện. Nhiều hệ thống phù hợp với các thư viện mọi qui mô và được thiết kế để làm việc với khổ mẫu MARC. Các hệ thống được duy trì và cải tiến tự động do vậy mà các thư viện có thể thừa hưởng những tiến bộ mới nhất của công nghệ máy tính. Khổ mẫu MARC cũng cho phép các thư viện thay thế một hệ thống với một hệ thống khác cùng với sự đảm bảo rằng các dữ liệu của họ sẽ vẫn tương thích.

## **2. Sử dụng khổ mẫu MARC**

Khổ mẫu MARC cho phép máy tính sắp xếp và lựa chọn dữ liệu biên mục. Điều đó có nghĩa là các thư mục có thể:

- Cho phép người dùng truy cập mạnh hơn các bản ghi.
- In ra dữ liệu biên mục theo một dạng thức khác nhau như: Các thư mục chủ đề.
- Sản xuất ra các thông báo sách mới, mục lục vị trí sách và các nhãn trên gáy sách.

- Sản xuất các loại mục lục khác nhau như: Microfiche và các mục truy cập trực tuyến.
- Trao đổi các dữ liệu biên mục với các thư viện khác trên thế giới.

Các bản ghi và các tham chiếu tính nhất quán.

Trong các mục lục máy, các bản ghi và các tham chiếu nhất quán cũng cần được mã -đánh theo kiểu mẫu MARC.

Tính nhất quán biểu ghi tạo lập nên các hình thức nhất quán, tập thể và tên hội nghị, hội thảo, chủ đề và từng thư. Điều đó cho phép người sử dụng mục lục có thể tìm thấy tất cả tài liệu liên quan tới cùng một tiêu đề.

Các tham chiếu định hướng cho người sử dụng từ tiêu đề không được sử dụng cho đến những tiêu đề được sử dụng. Ví dụ:

Hương, Hoàng Thị Thu                      xem Hoàng Thị Thu Hương

### 3. Các tài liệu về MARC

Văn phòng Network Development and MARC Standards (Phát triển mạng lưới và tiêu chuẩn MARC) của Thư Viện Quốc Hội Mỹ phát hành tài liệu hướng dẫn *MARC 21 format for bibliographic data* (Khổ mẫu MARC 21 cho dữ liệu thư mục). Tài liệu hướng dẫn này bao gồm các chỉ dẫn cho việc mã hoá dữ liệu thư mục của các tài liệu chuyên khảo, xuất bản phẩm nhiều kỳ và các dạng tài liệu không phải sách báo.

Thư viện Quốc hội Mỹ cũng xuất bản cuốn MARC 21 Format for authority data (MARC 21 cho kiểm soát tính nhất quán tài liệu). Nó đặc tả việc mã hoá các tiêu đề đã được kiểm soát: tên người, chủ đề và từng thư. Nó bao gồm các tham chiếu và nguồn gốc tiêu đề.

Các xuất bản phẩm hỗ trợ bao gồm:

- Marc 21 Format for classification data (Khổ mẫu Marc 21 cho dữ liệu phân loại)
- Marc 21 Format for holdings data (Khổ mẫu Marc 21 cho dữ liệu về vốn tư liệu)
- Marc 21 Format for community information (Khổ mẫu Marc 21 cho thông tin cộng đồng).
- Marc code list for countries (Danh mục mã nước)
- Marc 21 code list for geographic areas (Danh mục mã các khu vực địa lý).
- Marc code list for languages (Danh mục mã ngôn ngữ)
- USMarc code list for organizations (Danh mục mã các tổ chức)

- USMarc code list for relators, sources, and descriptive conventions (Danh mục mã cho các yếu tố liên quan, nguồn và qui ước mô tả)
- Marc 21 specifications for record structure, character sets, and exchange media (Các đặc tả cấu trúc bản ghi, chuỗi ký tự và phương tiện trao đổi).

Rất nhiều phần của các thông tin này cũng được cung cấp trên Website của Thư viện Quốc Hội Mỹ <http://lcweb.loc.gov/Marc>

## II. MARC 21

Thư viện Quốc Hội Mỹ phục vụ như là kho chứa chính thức các xuất bản phẩm của Mỹ và là một nguồn chính các biểu ghi thư mục xuất bản phẩm của Mỹ và quốc tế. Khi Thư viện Quốc Hội bắt đầu sử dụng máy tính vào những năm 60, thư viện đã nghĩ ra một khổ mẫu Marc cho nó, gọi là Marc LC, một hệ thống sử dụng các con số ngắn gọn, các chữ cái và ký hiệu trong các biểu ghi thư mục của Marc để đánh dấu các loại thông tin khác nhau. Khổ mẫu Marc LC ban đầu đã bao gồm trong khổ mẫu Marc 21 và đã trở thành tiêu chuẩn được sử dụng bởi hầu hết các chương trình máy tính thư viện. Khổ mẫu thư mục Marc 21 cũng như những tài liệu về Marc 21 được duy trì bởi Thư viện Quốc Hội Mỹ. Thư viện đã xuất tài liệu hướng dẫn khổ mẫu Marc 21- *Marc 21 Format for Bibliographic Data* (Khổ mẫu Marc 21 cho dữ liệu thư mục).

Một sự so sánh tương tự biểu ghi với thông tin văn bản và với những các nhãn trường Marc chứng minh tính xúc tích của khổ mẫu Marc 21. Đó là vấn đề về kho chứa. Nhìn vào bảng dưới đây, khổ mẫu Marc 21 sử dụng “260” “\$a” “\$b” and “\$c” để đánh dấu trường mà ghi dữ liệu về xuất bản thay vì phải lưu các chữ: “khu xuất bản” “nơi xuất bản”, tên nhà xuất bản” và “ngày xuất bản” trong mỗi biểu ghi. Qui ước sẽ hiệu quả hơn đối với bộ nhớ của máy tính:

### ***Biểu ghi với chỉ dẫn văn bản:***

<b>Signposts(Chỉ dẫn)</b>	<b>Data (Dữ liệu)</b>
Main entry, personal name with a single surname: The name:	Arnosky, Jim
Title and Statement of responsibility area, pick up title for a title added entry, file under “Ra..” Title proper: Statement of responsibility	Raccoons and ripe corn/ Jim Arnosky



Edition area Edition statement:	1 <sup>st</sup> ed.
Publication, distribution, etc. area: Place of publication: Name of publisher: Date of publication:	New York: Lothrop, Lee & Shepard Books, c 1987.
Physical description area: Pagination: Illustrative matter: Size:	25 p.: col. ill.; 26 cm.
Note area: Summary:	Hungry reccoons feast at night in a field of ripe corn.
Subject added entries, from Library of Congress subject heading list for children: Topical subject:	Raccoons
Local call number:	599.74 ARN
Local barcode number:	8009
Local price:	\$ 15.00

***Cùng biểu ghi đó với các nhãn trường MARC:***

<b>Signposts</b>	<b>Data</b>
100 1# \$a	Arnosky, Jim
245 10 \$a	Raccoons and ripe corn/
\$c	Jim Arnosky
250 ## \$a	1 <sup>st</sup> ed.
260 ## \$a	New York:
	Lothrop, Lee & Shepard

\$b	Books
\$c	c 1987
300 ## \$a	25p.:
\$b	col. ill.;
\$c	25 cm.
520 ## \$a	Hungry reccoons feast at night in a field of ripe corn.
650 #1 \$a	Raccoons
900 ## \$a	599.74 ARN
901 ## \$a	8009
903 ## \$a	\$ 15.00

## 1. Các thuật ngữ của Marc và định nghĩa của chúng

### 1.1. Các trường được đánh dấu bởi các nhãn trường:

Trong hệ thống máy tính, một biểu ghi là một tập hợp các trường có liên quan. Có trường về tác giả, thông tin về nhan đề..Các trường này lại được chia ra thành một hoặc nhiều trường con. Như ở phần trước đã đề cập, tên các văn bản của các trường thì quá dài đối với mỗi biểu ghi MARC, do vậy người ta đã đưa ra 3 kí tự nhãn trường (Qua thư mục trực tuyến có thể hiển thị tên của trường, nhưng tên này được cung cấp bởi phần mềm hệ thống, chứ không phải là biểu ghi Marc).

- **Nhãn trường:** Mỗi trường được thống nhất với một số 3 ký tự gọi là nhãn trường. Mỗi nhãn trường xác định trường-loại dữ liệu-trong đó. Thậm chí thông qua dữ liệu in ra từ máy hoặc hiển thị trên màn hình có thể chỉ ra nhãn trường ngay lập tức nhờ các “chỉ thị” (làm cho nó hiển thị là 4 hoặc 5 kí tự), nhãn trường luôn luôn là 3 kí tự đầu tiên.

Các nhãn được sử dụng thường xuyên là:

**010** đánh dấu số kiểm soát của Thư viện Quốc Hội (LCCN)

**020** đánh dấu số sách theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN)

**100** đánh dấu tên của tác giả

**245** đánh dấu thông tin về nhan đề (bao gồm cả nhan đề chính, nhan đề phụ và thông tin về nhan đề)

250 đánh dấu số lần xuất bản

260 đánh dấu thông tin về xuất bản

300 đánh dấu phần mô tả vật lý (như miêu tả sách bao gồm số trang, khổ cỡ, minh hoạ)

440 đánh dấu xuất bản phẩm nhiều kỳ

520 đánh dấu phần chú giải hoặc tóm tắt

650 đánh dấu phần đề mục chủ đề

700 đánh dấu tên của những người liên quan (đồng tác giả, người đính chính hoặc người minh hoạ)

Đây là một ví dụ về nhãn trường 100, xác định nó là trường về tác giả

100 1# \$aPirsig, Robert M.
-----------------------------

Dịch vụ cung cấp thư mục của Thư viện Quốc Hội Mỹ cung cấp danh mục chi tiết-2 tập-Khổ mẫu Marc 21 dành cho dữ liệu thư mục (Marc 21 Format for Bibliographic Data) và một tập các Khổ mẫu Marc 21 ngắn gọn (Marc 21 Concise Formats).

Trong biểu ghi thư mục, 10% các nhãn trường được sử dụng lặp đi lặp lại, còn 90% còn lại chỉ được thấy rất ít. 10% các nhãn trường hay được sử dụng sẽ được giới thiệu ở phần sau.

### ***1.2. Một số trường được xác định sâu hơn nhờ các chỉ thị:***

- **Chỉ thị:** Đôi khi chúng ta muốn bảo máy tính làm nhiều hơn là chỉ lưu trữ thông tin. Ví dụ như trường nhan đề, chúng ta muốn chỉ ra khi nào thì nhan đề sẽ được sử dụng như một điểm truy cập thông tin trong mục lục, hay muốn máy tính bỏ qua một số ký tự đầu nhan đề khi máy sắp xếp nhan đề.

Điều này được thực hiện bằng cách sử dụng thêm hai ký tự. Trong các trường không cần chỉ thị, bỏ trống được hiểu là ký tự “#”

+ Chỉ thị đầu tiên giá trị là 1 để chỉ ra rằng trường nhan đề là một trường riêng. Để in phiếu mục lục theo nhan đề thì đây sẽ là trường hiển thị tiếp theo. Nếu chỉ thị đầu tiên là 0 nó có nghĩa là sẽ được in như truyền thống, không có phần thông tin nhan đề tưng thư đi kèm theo.

+ Chỉ thị thứ hai là chỉ thị để khoảng trống để bắt đầu hiển thị ký tự nào.

Ví dụ:

245 14 \$aThe complete Asian cook book/\$cby Charmaine Solomon

- 1 Báo cho máy tính tạo thêm một điểm truy cập cho nhan đề. Chú ý rằng không có một trường tiêu đề bổ sung đặc biệt cho nhan đề trong bản ghi Marc 21 này.
- 4 Cho thấy 4 ký tự đầu tiên cần bị bỏ qua khi nhan đề được sắp xếp theo vần chữ cái. Như vậy tài liệu này sẽ được sắp xếp theo vần C cho từ Complete, chứ không phải là chữ T cho từ The.

Tuy nhiên, trong bản ghi Marc sau:

245 10 \$aLearn about information/\$cby Mary Gosling and Elizabeth Hopgood.

Chỉ thị thứ hai là 0 nên máy tính sẽ không cần bỏ qua một ký tự nào và nó sẽ sắp xếp nhan đề ở vần L cho từ Learn.

### 1.3. Các trường con được đánh dấu nhờ các mã trường con và dấu phân cách:

- **Trường con:** Các trường có chứa các yếu tố dữ liệu trong nó được gọi là trường con. Mỗi trường con lại được chỉ ra bởi mã trường con. Những mã này có thể giúp cho máy tính có thể nhận dạng mọi đơn vị thông tin tạo nên biểu ghi. Như vậy hệ thống có thể tìm thấy bất kỳ một thông tin nào nó muốn.

Ví dụ: Trường mô tả vật lý được xác định nhãn trường là 300, bao gồm các trường con “a” số trang, “b” thông tin minh họa và “c” thông tin về kích thước (centimét):

300 ## \$a675p.:\$bill.; \$c24 cm.
------------------------------------

- **Mã trường con:** Các mã trường con là một kí tự nhỏ hơn (thường là số) được đặt trước dấu phân cách. Dấu phân cách là ký tự để ngăn cách các trường con.

- **Dấu phân cách:** Các chương trình phần mềm khác nhau dùng các ký tự khác nhau để hiển thị dấu phân cách trên màn hình hoặc bản in.

Trong khổ mẫu AACR2, các yếu tố dữ liệu được phân tách bởi các dấu ngắt tiêu chuẩn. Trong khổ mẫu MARC, các trường con được phân tách bởi các ký hiệu gọi là các dấu phân cách. ở đây chúng ta sử dụng \$, các ký hiệu khác cũng được dùng như là dấu phân cách.

Ví dụ: trong trường thông tin xuất bản, phân phối sau đây, mã trường con là a,b,c và các dấu phân cách giữa các trường con.

260 \$aCanberra :\$bDoc Matrix,\$c1999
--

Chú ý rằng dấu phân cách cũng chiếm chỗ của một khoảng cách. Không có dấu ngắt quãng nào giữa dấu ngắt và trường con.

**1.4. Định danh nội dung là một thuật ngữ được sử dụng, bao gồm: tất cả các nhãn trường, chỉ thị và mã trường con.**

Có ba loại định danh nội dung: *nhãn trường, chỉ thị và mã trường con*, chúng là những khoá tới hệ thống chỉ dẫn Marc 21. Định danh nội dung chỉ ra các yếu tố dữ liệu tạo nên biểu ghi Marc. Các nhãn trường (tag) là 3 ký tự nhãn dùng để nhận dạng trường. Các chỉ thị (Indicator) cung cấp các thông tin thêm về các xử lý dữ liệu trong trường. Các mã trường con (subfield codes) thì đứng trước mỗi yếu tố dữ liệu.

**2. Một số qui tắc đánh nhãn trường**

Có một số qui tắc chung để giúp xác định tất cả các số được sử dụng như là nhãn trường. Chú ý phân XX thường được sử dụng cho một nhóm các nhãn trường có liên quan. Ví dụ, 1XX tương ứng với tất cả các trường bắt đầu từ 100 như: 110, 130..

**2.1. Các nhãn trường được chia bởi số hàng trăm.** Với bản ghi thư mục Marc 21 các khối bao gồm:

- 0XX Trường điều khiển có độ dài thay đổi, chỉ số nhận dạng và phân loại, mã..
- 1XX Tiêu đề mô tả chính
- 2XX Nhan đề, lần xuất bản, địa chỉ xuất bản, năm xuất bản
- 3XX Mô tả vật lý
- 4XX Thông tin về từng thư (được chỉ ra trong quyền sách)
- 5XX Phụ chú
- 6XX Các tiêu đề mô tả theo chủ đề
- 7XX Các tiêu đề mô tả bổ sung, không phải chủ đề hay từng thư
- 8XX Tiêu đề mô tả từng thư
- 9XX Thông tin nội bộ

**2.2. Các điểm truy cập:** Các điểm truy cập có thể là nhan đề chính, đề mục chủ đề..là bộ phận quan trọng của biểu ghi thư mục, chúng là những tiêu đề cho những tấm phiếu riêng lẻ đã từng được tạo ra các mục lục truyền thống để mỗi người dùng tin hay cán bộ thư viện có thể tìm kiếm các bản thư mục trực tuyến. Hầu hết các điểm truy cập là:

- 1XX Tiêu đề mô tả chính

- 4XX Xuất bản phẩm định kỳ
- 6XX Đề mục chủ đề
- 7XX Các tiêu đề mô tả bổ sung ( từ khoá..)
- 8XX Tiêu đề mô tả từng thư

Đây là những trường được đặt dưới sự kiểm soát nhất quán

**2.3. Kiểm soát nhất quán:** có nghĩa là theo một khuôn mẫu đã được thiết lập và có thể nhận ra. Thông thường, người làm thư mục lựa chọn các chủ đề và tên các đề mục từ một danh sách các đề mục cho phép. Trong một cuộc thảo luận, bạn có thể nói đi thăm “Bảo tàng Getty” hoặc “Bảo tàng J. Paul Getty” ở Malibu, California, người nghe có thể hiểu đây là một nơi, Nhưng nếu người làm thư mục đôi khi đánh “Bảo tàng Getty” hoặc “Bảo tàng J. Paul Getty” làm đề mục sẽ làm cho người sử dụng thư viện rất khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu theo chủ đề đó. Nếu người lập thư mục tuân theo danh mục của Thư viện Quốc Hội thì họ sẽ dùng “Bảo tàng J. Paul Getty”. Nếu các nhà lập thư mục luôn sử dụng một mẫu đã được thiết lập, tất cả các cuốn sách sẽ được tìm thấy ở một vị trí trong thư mục.

Đối với tên, tính nhất quán là tệp tên nhất quán của Thư viện Quốc Hội Mỹ. Tệp này được lưu trên microfich hoặc đĩa CD-Rom của phòng dịch vụ cung cấp thư mục của Thư viện Quốc Hội.

Đối với các chủ đề hoặc địa danh thì dùng chung với tên trong “Bảng đề mục chủ đề của Thư viện Quốc Hội - Library of Congress Subject Headings” và “Bảng danh mục chủ đề rút gọn - Sears list of Subject Headings”. Cấu trúc của một đề mục chủ đề nên tương ứng với danh mục và tuân theo những qui tắc xây dựng.

Trong một hệ thống thông tin nhỏ, thì có thể lưu giữ các tệp nhất quán của Thư viện Quốc Hội, cần có một bộ nhớ dữ liệu khổng lồ tương đương với 29 microfich hoặc 1 đĩa CD-Rom cho bộ Đề mục chủ đề của Thư viện Quốc Hội Mỹ (LCSH) và khoảng 1400 microfich hay 4 đĩa CD-Rom cho phần tên (LCNA). Thư viện trường học hoặc một thư viện chuyên ngành có thể chỉ cần dùng một phần.

**2.4. Nội dung song song:** Các trường yêu cầu kiểm soát tính nhất quán cũng là những trường mà sử dụng cấu trúc nhãn trường song song. Thường thì các trường 1XX, 4XX, 6XX, 7XX và 8XX, một tên riêng sẽ có hai ký tự 00. Do vậy đối với nhan đề chính (1XX) thì có tên riêng là (X00), nhãn trường chính xác là 100. Đối với phần đề mục chủ đề (6XX)..Nội dung song song này có thể được tóm tắt:

X00 Tên riêng

- X10 Tên của người cộng tác
- X11 Tên những người tham gia hội nghị
- X30 Các tiêu đề thống nhất
- X40 Các nhan đề thư mục
- X50 Các thuật ngữ chủ đề
- X51 Địa danh

Bằng việc kết hợp phần này với phần phân chia nhãn trường theo hàng trăm ở trên, nó trở thành minh chứng rằng đề mục của một cuốn sách (6XX) là tên một người (Lincoln, Abraham), nhãn trường sẽ là 600. Nếu đề mục của cuốn sách là một sự kết hợp (Apple Computer, Inc.), nhãn trường sẽ là 610. Nếu đề mục là một chủ đề (Railroads), nhãn trường sẽ là 650. Nếu đề mục của cuốn sách là một nơi (United States), nhãn trường sẽ là 651. Đồng tác giả (7XX) sẽ là nhãn trường 700.

Bảng phân loại thập phân Dewey sử dụng cấu trúc tương tự trong các bảng về vị trí địa lý và phân cấp tiêu chuẩn.

### 3. Thông tin nhất quán xuất hiện bắt đầu biểu ghi MARC

Các nhà thư viện được biết các đến phần biểu ghi thư mục cơ bản có trong phiếu mục lục-biểu ghi MARC sẽ có ít hơn những thông tin tương tự. Các hệ thống xây dựng thư mục tự động thường cung cấp các dữ liệu cho trước và những hướng dẫn giúp cho người lập thư mục nhập thông tin này.

Một biểu ghi thư mục gồm 3 phần chính là: đầu biểu, thư mục và các trường có độ dài thay đổi. Dưới đây là một bản ghi MARC:

```

000      01504cam##2200481#a#4500
001      000020001541
003      CaOOAMICUS
005      20000816200732.0
008      090412s1999####aca####d#b####001#0#eng##0
020      $a1876283149 :$c$24,95
040      $ANL$beng$cANL
050      4      $aZ674.5.A8.G67 1999
082      04      $a020.76$221
100      1      $aGosling, Mary,$d1951-
245      10      $aLearn about information/$cby Mary Gosling and

```

Elizabeth Hopgood

- 250        \$a2nd ed.
- 260        \$aCanberra :\$bDocMatrix,\$c1999
- 300        \$a158 p. ;\$c30 cm.
- 490    1    \$aLibrary education series,\$x1328-1909
- 500        \$aIncludes index
- 504        \$aBibliography
- 521        \$aTertiary students.
- 650    0    \$aInformation services\$xProblems, exercises, etc.
- 650    0    \$aLibrary\$xProblems, exercises, etc.
- 650    0    \$aInformation science\$xProblems, exercises, etc.
- 650    0    \$aLibrary science\$xProblems, exercises, etc.
- 700    1    \$aHopgood, Elizabeth,\$d1951-
- 830    0    \$aLibrary education series (Canberra, A.C.T.)
- 850        \$aANL\$cNq 020.76 G676-2
- 850        \$aQCT\$cheld
- 850        \$ãCX\$b13441061

**3.1. Đầu biểu (leader):** Đầu biểu là trường đầu tiên của biểu ghi. Nó có 24 ký tự. Tùy thuộc vào hệ thống, người biên mục có thể đưa vào một số dữ liệu. Thông thường thì dữ liệu này do máy tính sinh ra. Đầu biểu của biểu ghi trên là:

**000**            01504cam##2200481#a#4500

Về thực chất đầu biểu bao gồm các phân tử, chúng cho phép chương trình xử lý phần còn lại của biểu ghi.

Trong biểu ghi, dấu (#) biểu thị cho các dấu trống. Chúng được sử dụng trong biểu ghi để chỉ ra có bao nhiêu khoảng trống được đưa vào. Khi nhập dữ liệu, người biên mục đánh vào một khoảng cách hoặc dấu trống vị trí.

Có **24** ký tự trong đầu biểu được đánh số từ **00-23**. Mỗi vị trí có một ý nghĩa theo qui định.

**00-04** chứa độ dài vật lý của biểu ghi. Đó là tổng độ dài của biểu ghi và được tính bởi máy tính



**05** là tình trạng biểu ghi, nó chỉ ra mối quan hệ của bản ghi với tệp tin để phục vụ cho mục tiêu bảo trì tệp tin.

**06** Thể loại biểu ghi

**07** Thể hiện cấp thư mục

**08-09** Không được xác định, như vậy thì để trống

**10** Số chỉ thị, luôn có giá trị là “2” ký tự

**11** là số mã trường con. Vì nó luôn là một dấu phân cách cộng một ký tự xác nhận dạng trường con và như vậy nó cũng là “2”.

**12-16** là địa chỉ cơ sở dữ liệu. Nó là 5 ký tự số chỉ ra vị trí của ký tự đầu tiên của trường điều khiển đầu tiên của biểu ghi

**17** là mức độ mã hoá. Hệ thống nội bộ đôi khi sử dụng các mã được xác định cục bộ, bổ sung cho các mã ở đây.

**18** thể hiện hình thức biên mục mô tả. Nó chỉ ra hoặc biểu ghi được lập theo AACR2 hoặc theo qui tắc của ISBD.

**19** thường được để trống, nó ghi lại khi nào một biểu ghi có liên quan được yêu cầu để xử lý biểu ghi này một cách đầy đủ.

**20-23** chứa đựng ánh xạ các mục cho thư mục. Nó xác định cấu trúc của các mục trong thư mục, nó luôn là 4500.

Đầu biểu được tạo ra bởi hệ thống máy tính.

**3.2. Danh mục:** Danh mục được tạo ra bởi máy tính căn cứ vào biểu ghi thư mục. Nó cho thấy các nhãn trường nào được sử dụng trong biểu ghi và ở chỗ nào. Nó không phải là phần MARC hiển thị cho người biên mục hay người sử dụng mục lục. Nó chỉ được sử dụng bởi người lập trình và máy tính mà thôi.

Dưới đây là ví dụ biểu ghi ở trên theo khổ mẫu Marc 21. Nó cho thấy đầu biểu tiếp theo là thư mục và sau đó là dữ liệu thư mục.

01504cam\_2200481\_a\_45000010013000000030011000130050017000240  
080042000

410200039000830400013001220820015001351000026001502450070001762500  
012002462600042002583000021003004900041003215000020003625040018003

825210023004006500026004236500052004496500015005016500041005166500

025005576500051005826500021006336500047006547000031007018300048007

328500026007808500025008068500022008318500027008538500014008808500

011008948500020009058500008009258500033009338500015009668500021009

81850002001002-000020001541ảCaOOAMICUSả20000816200732.0ả990412s19

99\_\_aca\_\_d\_b\_\_001\_0\_eng\_0\_\_a\_\_1876283149\_#c\$24.95\_\_aANL  
 #beng#04#a020.76#221#1\_#aGosling, Mary, #d1951-  
 #10#aLearn\_about\_information\_/#cby\_Mary\_Gosling\_and\_Elizabeth\_  
 Hopgood.#\_\_ #a2nd\_ed.#\_\_ #aCanberra\_:#bDocmatrix,\_c1999.#\_\_ #a158\_p.\_;  
 #c30\_ cm.#\_#1\_#aLibrary\_education\_series, #x1328-  
 1909#\_#aIncludesindex.#\_\_ #aBibliograp  
 hy.#\_#\_ #aTertiary\_students.#\_0#aInformation\_services#xProblems,\_exercises,  
 etc.#\_0 #aLibraries#xProblems,\_excercises,  
 etc.#\_0#aInformation\_science#xProblems,\_exercises,  
 etc#\_0#Library\_science#xProblems,\_exercises,\_etc.#\_1\_#aHopgood,\_Elizabeth,  
 #d1951-#\_0#aLibrary\_education\_series\_(Canberra,\_A.C.T.)#\_#aANL#cNq\_020.76  
 G676-2#\_#aNSL#cR\_NQ020.76/2#\_#aQCT#cheld#.#\_#aVBAX-  
 cheld\_#aWCX#b13441061-\_\_

**3.3. Trường 008:** Trường này được sử dụng cho các yếu tố dữ liệu có chiều dài cố định. Nó cung cấp mã thông tin về biểu ghi một cách toàn thể và đặc biệt về khía cạnh thư mục của tài liệu.

Phụ thuộc vào hệ thống của biểu ghi, chỉ có một vài phần tử của trường này có thể là bắt buộc và một vài phần tử có thể trống.

Một số dữ liệu cũng thể được cung cấp như là giá trị mặc định-nghĩa là hệ thống có thể mã hoá một số thông tin trong trường này qua việc sử dụng thông tin khác trong biểu ghi.

Có 40 vị trí kỹ tự trong trường 008, đánh số từ 00-39.

Các vị trí không xác định có thể chức dụng các dấu trống (#) hoặc các ký tự lấp đầy (!).

Vị trí 00-17 và 35-39 là thống nhất cho toàn bộ các dạng tài liệu. Dưới đây là nội dung trường 008 dành cho sách.

**00-05** chứa ngày nhập vào tệp tin.Nó được cung cấp bởi máy tính và sử dụng định dạng Năm, Tháng, Ngày (yy,mm,dd), ví dụ 000102 là ngày 02 tháng 01 năm 2000

**06** là kiểu của ngày-tình trạng xuất bản

b = không có ngày; b,c không có ngày liên quan

e = ngày chi tiết

s = một ngày được biết đến/ có thể là ngày xuất bản

m = nhiều ngày

r = ngày in ấn (ngày của lần xuất bản) hoặc ngày xuất bản lần đầu

n = những ngày khác liên quan chưa được biết đến

q = ngày chưa chắc chắn

t = ngày phát hành hoặc sao bản quyền

| = không có mã

**07-10** thể hiện Date 1- năm xuất bản.

**11-14** thể hiện Date 2. Date 2 được sử dụng cho xuất bản phẩm nhiều kỳ hay tác phẩm nhiều phần.

**15-17** cung cấp thông tin về nơi xuất bản, sản xuất hay ấn hành. Mã này được lấy ra từ *USMarc code list for countries*. Một số thư viện sử dụng mã cho bang, tỉnh... hơn là cho nước. Một vài nơi sử dụng các mã chi tiết hơn cho các vùng, địa phương.

Ví dụ: pk# = Pakistan

cau = California (US)

**18-34** được xác định đặc trưng cho mỗi loại tài liệu. Các vị trí này là tương đương với các vị trí từ 01-17 trong trường 006. Bảng dưới đây cho thấy các mã chỉ định cho chuyên khảo trong trường 008 và 006.

<b>008</b>	<b>006</b>	<b>Code</b>
18-21	01-04	Minh họa
22	05	Người sử dụng mục tiêu
23	06	Hình thức tài liệu
24-27	07-10	Bản chất nội dung
28	11	Xuất bản phẩm của chính quyền
29	12	Xuất bản phẩm của hội nghị
30	13	Xuất bản phẩm kỉ niệm
31	14	Bảng tra thư mục
32	15	Sánh cổ
33	16	Tiểu thuyết viễn tưởng
34	17	Tiểu sử

**18-21** dành cho minh họa. Có 4 vị trí ký tự, cho phép dành cho hơn một kiểu minh họa, ví dụ, bản đồ và đồ thị. Nếu chỉ có một kiểu minh họa thì ghi mã vào vị trí 18 và nhập vào các vị trí 19-21 các ký tự trống.

# = không có minh họa

a = minh họa

b = bản đồ

c = hình vẽ

d = biểu đồ

e = sơ đồ

f = bản khắc

g = âm nhạc

h = bản chép tay

i = huy hiệu

j = bảng phả hệ

k = Khuôn mẫu

l = mẫu

m = ghép đĩa, dây..

o = ảnh

p = trang trí

| = không có mã

**22** chứa đựng một chữ cái dành cho đối tượng độc giả

# = không biết hoặc chưa xác định

a = trẻ em chưa đến trường

b = học sinh tiểu học

c = học sinh trung học phổ thông cơ sở

d = học sinh trung học

e = thanh niên

f = đối tượng đặc biệt

g = phổ biến chung

j = trẻ vị thành niên

| = không có mã

**23** thể hiện hình thức của tài liệu

# = không có hình thức dưới đây

a = microfilm

b = microfiche

c = microopaque

d = in khổ lớn

f = chữ nổi

r = tái bản thường xuyên

s = ấn phẩm điện tử

| = Không có mã

**24-27** nội dung, ví dụ như: từ điển, mục lục, sách tra cứu. Một mã chỉ định chỉ được sử dụng nếu như một phần quan trọng của tài liệu là một dạng tài liệu được thể hiện bằng mã. Các chỗ còn lại được thay thế bằng các dấu trống.

# = không xác định được nội dung

a = tóm tắt

b = các bản thư mục

c = các catalog

d = từ điển

e = bách khoa toàn thư

f = sổ tay

g = các bài báo chính thức

i = các bảng tra

j = tài liệu phát minh

k = danh mục các đĩa hát

l = tài liệu luật

m = luận án

n = các văn bản điều tra

o = tóm lược

p = các văn bản chương trình

...

**28** chỉ ra khi nào một tài liệu là do Chính phủ xuất bản

# = không phải tài liệu của chính phủ

i = tài liệu quốc tế của các chính phủ

f = nghị viện/ quốc gia

a = các quốc gia tự trị hoặc bán tự trị

s = bang, tỉnh, vùng..

m = nhiều bang

c = nhiều vùng

l = vùng

z = các xuất bản phẩm loại khác của chính phủ

o = xuất bản của chính phủ - dưới mức luật

u = không được biết đến là tài liệu của chính phủ

| = không có mã

**29** cho chúng ta thấy nếu như tài liệu do hội nghị xuất bản.

0 = tài liệu không phải của hội nghị

1 = tài liệu hội nghị

| = không có mã

**30** cho chúng ta biết nếu xuất bản phẩm là do nhiều tác giả viết để tặng/ chúc mừng một học giả.

**31** cho chúng ta biết nếu xuất bản phẩm có bảng tra

**32** không được xác định và chứa ký tự trống.

**33** cho chúng ta biết loại hình tác phẩm văn học: thơ, tiểu thuyết, kịch..

**34** cho chúng ta biết nếu tác phẩm là một tiểu sử.

**35-37** chỉ ra ngôn ngữ của tài liệu. Nó được lấy ra từ MARC code list for languages.

**38** chứa đựng giá trị mã hoá cho biểu ghi mà đã bị rút ngắn hoặc thay đổi từ một bản gốc không phải chữ cái Latinh sang chữ cái Latinh. Nếu như biểu ghi không bị sửa đổi dưới bất kỳ hình thức nào thì vị trí này được bỏ trống.

**39** chỉ ra nguồn gốc biên mục của biểu ghi.

#### **4. Các trường dữ liệu**

Các trường dữ liệu với các nhãn trường không bắt đầu bằng 00 là các trường dữ liệu. Chúng chứa đựng nội dung của biểu ghi thư mục truyền thống, cũng như các thông tin phụ thêm.

010 chứa số kiểm tra của Thư viện Quốc Hội Mỹ. Trong biểu ghi này có số đó giống hệt như con số trong trường 001, vì chúng ta đang dùng biểu ghi của Thư viện Quốc Hội Mỹ làm ví dụ.

020 là số ISBN - International Standard Book Number chỉ số sách theo tiêu chuẩn quốc tế.

043 thể hiện mã của các vùng địa lý, và nó luôn luôn là 7 ký tự. Mã này chỉ được sử dụng nếu như nội dung của tài liệu có đề cập một vùng địa lý. Các mã vùng địa lý có trong Marc code list for geographic areas. Ví dụ Australia là u-at--- (dấu - là ký tự bù vào chứ không phải là ký tự trống)

050	Số xếp giá của Thư viện Quốc Hội Mỹ
082	Số xếp giá cả Dewey
1XX	Tiêu đề mô tả chính
2XX	Nhan đề, lần xuất bản, địa chỉ xuất bản bao gồm:
245	Thông tin về nhan đề
250	Thông tin về lần xuất bản
260	Địa chỉ xuất bản
3XX	Mô tả vật lý
4XX	Thông tin từng thư
5XX	Phụ chú
6XX	Các tiêu đề bổ sung theo chủ đề
7XX	Các tiêu đề bổ sung khác
8XX	Các tiêu đề bổ sung Từng thư

Dưới đây là phân trích một trường dữ liệu

300 - Mô tả vật lý đ

Chỉ thị: cả hai đề không xác định chỉ thị thì dùng dấu #.

Mã trường con:	\$a	Số trang (R)
	\$b	Các mô tả vật lý khác (NR)
	\$c	Khô

...

Ví dụ:

300 ## \$a144p. ;\$c23 cm.

300 ## \$a1 score (16 p.) ;\$c29 cm.

300 ## \$a11v. :\$bill. ;\$c24 cm.

300 ## \$a1 sound disc (20 min.) :\$banalog, 33 1/3 rpm, stereo. ; \$c12 in.

Trong đó, nhãn trường 300 với tên trường là Physical Description - mô tả vật lý

Kí hiệu R là Repeatable có thể lặp - có nghĩa là trường đó có thể xuất hiện hơn một lần trong biểu ghi

Trường con chỉ qui mô của tài liệu ví dụ như bao nhiêu trang, có minh hoạ hay không (R). Trường con dùng cho các tài liệu đi kèm không thể lặp (NR).

## BẢNG MÃ MỘT SỐ QUỐC GIA THEO CHUẨN MARC 21

Địa chỉ web: <http://lcweb.loc.gov/marc/bibliographic/>

ag	Achentina	bu	Bulgary
at	Australia	br	Miền điện
au	áo	cb	Campuchia
ay	Nam cực	xxc	Canada
bg	Băngladét	cc	Trung Quốc
be	Bỉ	ch	Trung Hoa (cộng hoà..)
bn	Bosnia và Hexegôvina	ci	Croatia
dk	Đan Mạch	cu	Cuba
ua	Ai cập	sr	Cộng hoà Séc
enk	Ah	pl	Ba Lan
fj	Fiji	po	Bồ Đào Nha
fi	Phần Lan	rm	Rumani
fr	Pháp	ru	Liên bang Nga
gw	Đức	si	Singapo
gr	Hy Lạp	xo	Slovakia
hu	Hungary	sa	Nam Phi
ii	ấn độ	ce	Sri Lanka
io	Indônêxia	ne	Hà Lan
ie	Ai len	nz	Niu zi Lân
is	ixraen	xx	Chưa biết hoặc chưa xác định
it	Italia	sw	Thụy Điển
ja	Nhật	sz	Thụy sĩ
kn	Bắc Triều Tiên	th	Thái Lan



ko	Hàn Quốc	xxu	Hoa Kỳ
ls	Lào	vp	Các nơi khác
lv	Latvia	vn	Việt Nam
li	Lithuania	yu	Nam Tư
xn	Maxedonia		
my	Malaixia		
mm	Malta		

## BẢNG MÃ KHU VỰC THEO CHUẨN MARC 21

Địa chỉ Web: <http://lcweb.loc.gov/marc/geoareas/>

a	Châu á	cl	Mỹ la tinh
a-ab	Băngladét	d	Các nước đang phát triển
a-bn	Borneo	e	Châu âu
a-br	Miền điện	e-fr	Pháp
a-bt	Bhutan	e-gr	Hy Lạp
a-bx	Brunây	e-gx	Đức
a-cb	Campuchia	e-it	Italia
a-cc	Trung quốc	e-ne	Hà lan
a-cc-hk	Hồng Kông (TQ)	e-ru	Liên bang Nga
a-ce	Sri lanka	e-sp	Tây Ba Nha
a-ch	Đài Loan	e-sw	Thụy Điển
a-li	Ấn độ	e-sz	Thụy Sĩ
a-io	Indônêxia	e-uk	Vương quốc Anh
a-ja	Nhật Bản	e-uk-en	Anh
a-ko	Nam Triều Tiên	ec	Trung âu
a-kr	Hàn Quốc	ee	Đông âu
a-ls	Lào	ew	Tây âu
a-my	Malaixia	f	Châu phi
a-ph	Phi lippin	f-ke	Kênya
a-pk	Pakistan	f-nr	Nigênia
a-pp	Tân ghi nê	f-sa	Nam phi
a-si	Singapo	f-tz	Tanzania
a-th	Thái Lan	f-ua	Ai cập
a-vt	Việt Nam	fw	Tây phi
ae	Đông nam á	i	Ấn độ Dương
af	Vịnh Thái lan	ma	Các nước A rập

ag	Sông Mêkông	n	Bắc Mỹ
ai	Đông Dương	n-cn	Canada
am	Malaya	n-us	Hoa Kỳ
as	Đông nam á	nc	Trung mỹ
az	Nam á	p	Thái Bình Dương
b	Các nước liên hiệp Anh	po	Châu Đại Dương
s	Nam Mỹ	w	Các vùng nhiệt đới
t	Nam cực	xa	Đông bán cầu
u	Australasia	xb	Bắc bán cầu
u-at	Australia	xc	Nam bán cầu
n-nz	Niu zi lân	xd	Tây bán cầu

### BẢNG MÃ NGÔN NGỮ THEO CHUẨN MARC 21

Địa chỉ Web: <http://lcweb.loc.gov/marc/languages/>

afr	Tiếng châu phi	khm	Tiếng khơ me
alb	Tiếng Anbani	kor	Tiếng Triều tiên
ara	Tiếng A rập	lao	Tiếng Lào
arc	Tiếng xyri	lat	Tiếng Latinh
arm	Tiếng Acmêni	lav	Tiếng Latvi (vùng Ban tích)
bel	Tiếng Bê ra rut	lit	Tiếng Lituanian
ben	Tiếng Băng gan	mac	Tiếng Maxêđôni
bul	Tiếng Bungary	may	Tiếng Mã lai
cat	Tiếng Catalan	mul	Tiếng đa ngôn ngữ
chi	Tiếng Trung quốc	nor	Tiếng Nauy
cze	Tiếng Séc	pan	Tiếng panabi
dan	Tiếng Đan mạch	per	Tiếng Ba tư
dut	Tiếng Hà lan	pol	Tiếng Ba Lan
egy	Tiếng Ai cập	por	Tiếng Bồ Đào Nha
eng	Tiếng Anh	rum	Tiếng Rumani
enm	Tiếng Anh trung (1100-1500)	rus	Tiếng Nga
est	Tiếng estoni	san	Tiếng Phạn
fij	Tiếng Fiji	sco	Tiếng Scot len
fin	Tiếng Phần lan	slo	Tiếng Slôvác
fre	Tiếng Pháp	slv	Tiếng Xlôven
geo	Tiếng Goergi	spa	Tiếng Tây Ba Nha
ger	Tiếng Đức	srd	Tiếng Thụy Điển
grc	Tiếng Hy Lạp cổ ( từ 1453)	tgl	Tiếng Tagalog
gre	Tiếng Hy Lạp hiện đại (1453-)	tam	Tiếng Tamin
heb	Tiếng Hê brơ (Do thái cổ)	tha	Tiếng Thái

hin	Tiếng Hindi	tib	Tiếng Tây tạng
hun	Tiếng Hungary	tur	Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ
ice	Tiếng Ailen	ukr	Tiếng Ukraina
ind	Tiếng Ấn Độ	urd	Tiếng Hind (Pakistan)
ita	Tiếng Ý	vie	Tiếng Việt Nam
jpn	Tiếng Nhật	yid	Tiếng I-dít (Đức cổ)